

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học; Chuyên ngành: Tâm lý học giáo dục

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** Nguyễn Thị Út Sáu

**2. Ngày tháng năm sinh:** 25/8/1982; Nam  ;Nữ ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** Xã Chu Minh - Huyện Ba Vì - Thành phố Hà Nội

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Xóm Nước Hai - Xã Quyết Thắng - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

**6. Địa chỉ liên hệ:** Nguyễn Thị Út Sáu, Giảng viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0922516166; E-mail: Sauntu@tnue.edu.vn

**7. Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10, năm 2004 đến tháng 01, năm 2008: Giảng viên hợp đồng Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Từ tháng 02, năm 2008 đến tháng 03 năm 2017: Giảng viên Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Từ tháng 4, năm 2017 đến nay: Giảng viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Địa chỉ cơ quan: Số 20 Đường Lương Ngọc Quyến, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại cơ quan: 0208.3851013

## **8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm ...**

## **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 07 năm 2004; số văn bằng: 601500; ngành: Tâm lý - Giáo dục; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 03 năm 2008; số văn bằng: 0036950; ngành: Tâm lý học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 04 năm 2014; số văn bằng: 003008; ngành: Tâm lý học; Nơi cấp bằng TS: Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Việt Nam

## **10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày, tháng, năm, ngành:**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở:** Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành:** Tâm lý học

## **13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Thích ứng của giảng viên - sinh viên, giáo viên - học sinh với hoạt động dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục;

- Phát triển năng lực tư vấn giáo dục cho giảng viên, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

- Phát triển kỹ năng sống cho sinh viên, học sinh và trẻ mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

## **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng): 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng): 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: chủ nhiệm 03 đề tài cấp Bộ; chủ nhiệm 02 dự án nghiên cứu;

- Đã công bố (số lượng): 43 bài báo khoa học, trong đó là tác giả chính 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

**15. Khen thưởng:** Bằng khen cấp Bộ năm 2012 - 2013, 2018- 2019.

**16. Kỷ luật:** Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:** Bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của giảng viên và hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên.

**2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng Thạc sĩ đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp Đại học đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017- 2018	0	0	02	02	239	30	269/279/205.2
2	2018 - 2019	0	0	02	02	299	0	299/265/216
3	2019 - 2020	0	0	02	03	271	45	316/346/216
<b>03 năm học cuối</b>								
4	2020 - 2021	0	0	02	02	232	0	232/260,86/216
5	2021-2022	0	0	02	02	232	75	307/386,32/216
6	2022-2023	0	0	02 đang thực hiện	02	232	0	232/270,56/216

\* Năm học 2017 – 2018, 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021: Theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quyết định số 2537/QĐ-ĐHTN ngày 04/11/2015 của Giám đốc ĐHTN,

\* Năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023: Theo Quyết định số 2599/QĐ-ĐHTN ngày 15/12/2020 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong ĐHTN và Quyết định số 4130/QĐ-ĐHSP ngày 13/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước; năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; số bằng: 0023522; năm cấp: 01/02/2012

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Sử dụng Tiếng Anh trong đọc tài liệu, viết và công bố các bài báo quốc tế

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng II Tiếng Anh

#### 4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Tạ Thị Huyền		x	x		Từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018	Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	16/11/2018
2	Vi Thị Phương		x	x		Từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I	21/01/2020
3	Doãn Thị Bích Liên		x	x		Từ tháng 9/2015 đến tháng 6 năm 2016	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	30/8/2016
4	Hoàng Thị Minh Huệ		x	x		Từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 10/2017	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	26/3/2018
5	Nguyễn Hữu Quảng		x	x		Từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 10/2017	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	26/3/2018
6	Trương Vũ Hằng		x	x		Từ tháng 10/2018 đến tháng 10 năm 2019	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	6/12/2019
7	Đào Thị Phương		x	x		Từ tháng 10/2018 đến tháng 10 năm 2019	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	6/12/2019
8	Trịnh Đình Huỳnh		x	x		Từ tháng	Trường Đại	2/2/2021

						6/2020 đến tháng 12/2020	học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	
9	Nguyễn Ngọc Sơn		x	x		Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020	Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên	2/2/2021
10	Hứa Thị Kim Thoa		x	x		Từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2022	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	14/2/2023
11	Lê Thị Vân Thùy		x	x		Từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2022	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	14/2/2023

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>						
1							
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>						
1	Giáo trình công tác xã hội trong trường phổ thông	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2016	04	Tham gia		2275/QĐ - ĐHSP
2	Kỹ năng tư vấn học tập - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Chuyên khảo	Đại học Thái Nguyên, 2016	03	Chủ biên		2276/QĐ - ĐHSP
3	Tâm lý học giáo dục	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên năm 2016, tái bản 2019	09	Tham gia	Chương 3 từ trang 100 - 134	2274/QĐ - ĐHSP

4	Tham vấn trong giáo dục mầm non	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2019	02	Đồng chủ biên	2272/QĐ-ĐHSP
5	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2019	03	Chủ biên	2273/QĐ - ĐHSP

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [2].

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>				
1	Sự thích ứng với hoạt động dạy - học theo học chế tín chỉ của giảng viên và sinh viên ở các Trường Đại học	CN	Đề tài cấp Bộ; mã số B2011 - TN04 - 02	2011	2/2/2013; Tốt
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>				
2	Đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm theo hồ sơ năng lực	CN	Đề tài cấp Bộ; mã số: B2016 - TNA - 15;	2016	23/1/2019; Đạt
3	Xây dựng mô hình dạy học theo POHE ở cấp Khoa, nghiệm thu năm 2016.	CN	Dự án nghiên cứu POHE;	2016	2016; Đạt
4	Đánh giá và đề xuất chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm, giảng viên quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp mới	CN	Chương trình nghiên cứu ETEP; Mã số: ETEP2017-SPTN-HĐ11	2017	30/12/2017; Đạt
5	Xây dựng mô hình giáo dục phòng tránh bạo lực, xâm hại tình dục cho học	CN	Đề tài cấp Bộ; B2020 – TNA - 08	2020	Tháng 12/2022; Đạt

sinh trung học cơ sở là người dân tộc thiểu số khu vực miền núi Phía Bắc Việt Nam				
---	--	--	--	--

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Khó khăn tâm lý trong quá trình rèn luyện kỹ năng tự học của sinh viên hệ cử tuyển trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.	01	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN 21896 0866 7476			số 201 (Kỳ 1 - 11/2008), tr 5-7.	11/2008
2	Nguyên nhân gây nên khó khăn tâm lý trong học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên hệ cử tuyển Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN 21896 0866 7476			Số 218(Kỳ 2 - 7/2009), tr 6-8	7/2009
3	Ứng dụng bản đồ tư duy trong dạy và học môn Tâm lý học	02	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN 21896 0866 7476			số 254 (Kỳ 2 - 1/2011), tr9 - tr10.	1/2011
4	Một số biện pháp nâng cao kết quả học tập môn Tâm lý học cho sinh viên Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên trong mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ	01	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN 21896 0866 7476			số 262, Kỳ 2 - 5/2011, tr 34 – tr44.	5/2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
5	Những yêu cầu về chuyên môn đối với giảng viên Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên nhằm thích ứng với phương thức đào tạo theo tín chỉ	01	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 21896 0866 7476			số 281, Kỳ 1 (3/2012), tr38 - tr40	3/2012
6	Một số yêu cầu đối với sinh viên khi tham gia học tập theo học chế tín chỉ	01	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 21896 0866 7476			số 291, kỳ 1 (8/2012), tr30 - tr31	8/2012
7	Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá sự thích ứng của sinh viên Đại học Thái Nguyên với hoạt động học tập theo tín chỉ	01	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 21896 0866 7476			số 299 (Kỳ 1 - 12/2012), tr25 - tr26	12/2012
8	Nhận thức của sinh viên các Trường Đại học về phương thức đào tạo theo tín chỉ	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ISSN185 9-2171			Tập 100, 12/2012, tr103 - tr107	12/2012
9	Một số vấn đề lý luận về hoạt động tư vấn cho sinh viên của cố vấn học tập ở các trường đại học	01	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 21896 0866 7476			số 318 (kỳ 2- 9/2013), tr17 - 19	9/2013
10	Thích ứng của sinh viên Đại học Thái Nguyên với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ dưới góc độ hành động	01	x	Tạp chí Tâm lý học/ISSN 1859 - 0098			số tháng 6 năm 2013, tr91 -99	6/2013
11	Lý luận về kỹ năng tư vấn học tập theo học chế tín chỉ của cố vấn học tập ở các trường đại học	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ISSN185 9-2171			Tập 112, số 12/1, 2013, tr33-37	12/2013



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
1	Nhu cầu tư vấn học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	03	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ISSN1859-2171			số 133 (03)/1,2015; tr 107 - 113	3/2015
2	Tổ chức dạy học theo mô hình dạy học theo POHE ở Khoa Tâm lý Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			số 407, Kỳ I tháng 6 năm 2017	6/2017
3	Kết quả rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	03	x	Tạp chí Thiết bị/1859 - 0810			Số 148 kỳ 1, tr75 - 77	7/2017
4	Kỹ năng tư vấn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập của giảng viên - cố vấn học tập ở các trường đại học	01	x	Tạp chí Tâm lý học xã hội/ISSN 0866 - 8019			Số 9 tháng 9 năm 2017, tr134-142	9/2017
5	Cơ sở lý luận về đánh giá kết quả học tập của sinh viên trường đại học sư phạm theo hồ sơ năng lực	01	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 2354-0753			số 178, kỳ 1, tháng 10, tr 50 - 53, 2018	10/2018
6	Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Sư phạm theo hồ sơ năng lực	01	x	Tạp chí Tâm lý học xã hội			số 11, tháng 11/2018, tr 49 - 59	11/2018
7	Curent situation of the study resul assessment of student in Thai Nguyen pedagogy University	02	x	The European Journal of Education and Applied			Vol. 2; 7-11	6/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	according to the competence record			Psychology/ISSN 2310 - 5704				
8	The process of assessing students' performance at universities of education by competency profile	01	x	Proceedings of the first International Conference on Teacher Education Renovation/ ISBN: 978-604-915-924-4			Tr 236-246	6/2019
9	Lecturers' competency at universities of teacher education in the context of the fourth industrial revolution	04		Proceedings of the first International Conference on Teacher Education Renovation/ ISBN: 978-604-915-924-4			Tr 254-268	6/2019
10	Academic counseling skill of lecturers - Advisors in Vietnamese universities	02	x	Sociosphere - Russian Scientific Journal/ISSN2 078- 7081			Vol. 1; 94-99	3/2019
11	Thực trạng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho giáo viên phổ thông trung học thị xã Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859 - 0801			số 193, kỳ 2, tháng 5/2019, tr 146-148	5/2019
12	Hoạt động rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở một	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục			số 196 kỳ 1, tr99-	7/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	số trường mầm non Thành phố Thái Nguyên			dục/ISSN 1859 - 0801			101	
13	Bồi dưỡng năng lực dạy học phân hóa cho giáo viên các trường tiểu học vùng đặc biệt khó khăn tỉnh Bắc Kạn	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN1859 - 0801			số 202 kì 1, tr122-124	10/2019
14	Đề xuất chương trình bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môi trường giáo dục đa văn hóa cho giáo viên tiểu học tỉnh Bắc Kạn	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859 - 0801			số 202 kì 1, tr125-127	10/2019
15	Organizing activities for preschool children in STEAM Education at Marie Curie International Preschool - Thai Nguyen City - Thai Nguyen Province	03	x	Proceedings of the first International Conference on Teacher Education Renovation/ISBN: 978-604-915-924-4			Tr 350 - 361	3/2020
16	Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng tránh bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở TP.Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859 - 0801			Số đặc biệt 06/2020, tr183-185	6/2020
17	Thực trạng bồi dưỡng năng lực tham vấn học đường cho giáo viên các trường trung học cơ sở thành phố Cao Bằng	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859- 0801			Số đặc biệt tháng 06/2020, 186 - 188	6/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
18	Thực trạng bồi dưỡng năng lực giáo dục STEM cho giáo viên các trường tiểu học thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859 - 0801			số đặc biệt tháng 07/2020 tr65-68	7/2020
19	Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho học sinh các trường trung học phổ thông thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục/ISSN 1859 - 0801			số đặc biệt tháng 07/2020 tr69-73	7/2020
20	Consequences of Neglecting Sex Education in Families and Schools	02	x	Proceedings of the 12th International Conference on Education Technology and Computers/ISSN: 978-1-4503-8827-6	SCOPUS Conference Proceedings		Tr 230-233; <a href="https://doi.org/10.1145/3436756.3437050">https://doi.org/10.1145/3436756.3437050</a>	12/2020
21	Benefits and Harmful Influences of Facebook to the Life of Vietnamese Students Today	02	x	Proceedings of the 4th International Conference on Education and E-Learning/ ISBN: 978-1-4503-8879-5	SCOPUS Conference Proceedings		Tr 189-192; <a href="https://doi.org/10.1145/3439147.3439165">https://doi.org/10.1145/3439147.3439165</a>	11/2020
22	Benefits of Building Child-centered Learning Environment in	03	x	Universal Journal of Educational			Vol. 8, Iss. 12; 6765-	11/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	Kindergarten			Research/ISSN: 2332-3205			6769; <a href="https://doi.org/10.13189/ujer.2020.081241">https://doi.org/10.13189/ujer.2020.081241</a>	
23	Mô hình giáo dục phòng tránh xâm hại tình dục cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	03	x	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: “Tâm lý học, giáo dục học vì sự phát triển học sinh và nhà trường hạnh phúc”/078-604-54-7128-9, NXB Trường Đại học Sư phạm Hà Nội			Tr 459 - 464	12/2020
24	Sexual Abuse Prevention Education for High School Students (Case Study at High Schools in Mong Cai City, Quang Ninh Province, Vietnam)	03	x	Psychological Health in Modern Society/ISBN: 978-604-315-580-8, NXB Đại học Quốc gia HN			Tr 451 - 475	3/2021
25	Thực trạng dạy học 2 buổi/ngày ở các trường tiểu học vùng đặc biệt khó khăn Tỉnh Hà Giang	03	x	Tạp chí Giáo dục/ISSN: 2354 -0753			số 504 kỳ 2 tháng 6 năm 2021; Tr 53 - 58	6/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
26	The Situation of Sex Educational Activies for Ethnic Minority Students in Secondary Schools in Deprived Areas, Dien Bien District, Dien Bien Province, Viet Nam	03	x	Kỷ yếu HT Khoa học Quốc tế: “Đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho vùng Dân tộc thiểu số, miền núi và vùng khó khăn”/978-604350-031-8, NXB ĐHTN			tr 336 – 346.	3/2022
27	Thực trạng giáo dục phòng tránh bạo lực học đường cho học sinh trung học cơ sở là người dân tộc thiểu số khu vực miền núi Phía Bắc Việt Nam	01	x	Tạp chí Tâm lý học Việt Nam/ ISSN: 0866-8019			số 05 – 2022, tr 27-36.	5/2022
28	Thực trạng tự đánh giá của học sinh trung học cơ sở là người dân tộc thiểu số khu vực miền núi Phía Bắc Việt Nam về giáo dục phòng tránh bạo lực học đường tại nhà trường,	01	x	Tạp chí Tâm lý học Việt Nam/ISSN: 0866-8019			số 06 – 2022; tr 144-151.	6/2022
29	Perception, Evaluation, and Factors Influencing Educational Activities to Prevent Child Marriage and Consanguineous Marriage for Students in Secondary School for Ethnic Minority Affairs	02	x	Humanities and Social Sciences Letters/ ISSN: 2312-5659, 2312-4318	SCOPUS (Citescore: 0.8, Q3)		Vol. 11, Iss. 1; 1-9; <a href="https://doi.org/10.18488/73.v11i1.3214">https://doi.org/10.18488/73.v11i1.3214</a>	12/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
30	Perceptions of Teachers Regarding the Significance and Level of Implementation of Sexual Education Content for Ethnic Minority Students in Vietnam	02	x	Journal of Education and e-Learning Research/ISSN: 2518-0169, 2410-9991	SCOPUS (Citescore: 1.3, <b>Q2</b> )		Vol. 10, Iss. 2; 119–124; <a href="https://doi.org/10.20448/jeelr.v10i2.4470">https://doi.org/10.20448/jeelr.v10i2.4470</a>	2/2023
31	Actual Status and Factors Affecting the Psychology of School Readiness of 5 to 6-Year-Old Preschool Children in Vietnam	02	x	Journal of Educational and Social Research/ISSN: 2239-978X, 2240-0524	SCOPUS (Citescore: 0.7, <b>Q3</b> )		Vol. 13, Iss. 3; 209–217; <a href="https://doi.org/10.36941/jesr-2023-0070">https://doi.org/10.36941/jesr-2023-0070</a>	5/2023
32	Investigating elements influencing cultural communication behavior of kindergarten students from ethnic minorities in Vietnam's educational system	02	x	International Journal of Education and Practice/ISSN: 2311-6897, 2310-3868	SCOPUS (Citescore: 1.9, <b>Q3</b> )		Vol. 11, Iss. 3; 450–461; <a href="https://doi.org/10.18488/61.v11i3.3398">https://doi.org/10.18488/61.v11i3.3398</a>	6/2023

Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là **tác giả chính** sau khi được cấp bằng TS: 4 (II.29, II.30, II.31, II.32).

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế**

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/ Quốc tế	Số tác giả
1					

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình sư phạm Tâm lý - Giáo dục	Thư ký	1762/QĐ - ĐHSP ngày 3/6/2014	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	3806/QĐ- ĐHSP ngày 10/10/2016	
2	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non	Thành viên	421/QĐ - ĐHSP ngày 28/2/2020	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	3473/QĐ - ĐHSP ngày 15/10/2020	
3	Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học ngành Giáo dục mầm non	Thành viên	491/QĐ - ĐHSP ngày 6/3/2020	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	3657/QĐ - ĐHSP ngày 28/10/2020	
4	Chương trình giáo dục mầm non K57	Thành viên	837/QĐ-ĐHSP ngày 14/4/2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	1936/QĐ- ĐHSP ngày 9/8/2022	

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo



- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):
- Giờ giảng dạy
- + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV  chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:
- c) Nghiên cứu khoa học
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH
- Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
- Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)
- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Nguyễn Thị Út Sáu**